

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Acronal® 7043

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Ammonium salt of modified styrene acrylic polymers, trong nước

Thành phần nguy hại

ammonia sol. 25% in water

Hàm lượng (W/W): $\geq 0\%$ - $< 0.1\%$

%

Số CAS: 1336-21-6

Ăn mòn da: Cat. 1B

Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat. 1

STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 2

Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - hơi nước)

M- nhân tố cấp tính: 1

styrene

Hàm lượng (W/W): $\geq 0\%$ - $< 0.2\%$

%

Số CAS: 100-42-5

Asp. Tox.: Cat. 1

Flam. Liq.: Cat. 3

Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - hơi nước)

Kích ứng da: Cat. 2

Kích ứng mắt: Cat. 2A

Repr.: Cat. 2 (thai nhi)

STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)

STOT RE (cơ quan thính giác): Cat. 1

Aquatic Acute: Cat. 2

Aquatic Chronic: Cat. 3

polypropylenglycol

Hàm lượng (W/W): $\geq 1\%$ - $\leq 3\%$

%

Số CAS: 25322-69-4

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải hơi nước/sol khí, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Không làm nôn mửa trừ khi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ yêu cầu làm như vậy.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:

những chất dạng hơi có hại

Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thông tin bổ sung:

Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động.

Cảnh báo môi trường:

Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 5 °C

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

styrene, 100-42-5;

Giá trị STEL 420 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị TWA 85 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị STEL 20 ppm (ACGIHTLV)

Giá trị TWA 10 ppm (ACGIHTLV)

ammonia sol. 25% in water, 1336-21-6;

Giá trị STEL 35 ppm (ACGIHTLV)

Giá trị TWA 25 ppm (ACGIHTLV)

Giá trị STEL 25 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị TWA 17 mg/m³ (OEL (VN))

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su cloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: chất lỏng
Màu sắc: trắng nhạt
Mùi: giống mùi ammoniac
Ngưỡng mùi: Chưa có thông tin thực nghiệm.

Giá trị pH: 8.0 - 8.5 (DIN ISO 976)
(100 %(m), 25 °C)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

| | | |
|---|---|---|
| Điểm làm lạnh: | 0 °C | |
| Điểm sôi: | Thông tin áp dụng đối với dung môi. > 93 °C Thông tin áp dụng đối với dung môi. | |
| Điểm chớp cháy: | Không có điểm chớp – Tiến hành đo đến điểm sôi. | |
| Tốc độ bay hơi: | không được xác định | |
| Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): | không bắt cháy | |
| Giới hạn nổ dưới (LEL): | Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn. | |
| Giới hạn nổ trên (UEL): | Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn. | |
| Nhiệt độ tự cháy: | Dựa trên hàm lượng nước sản phẩm không dễ cháy. | |
| Phân huỷ do nhiệt: | Ổn định cho đến điểm sôi. | |
| Tự bắt cháy: | không tự cháy | |
| Khả năng tự gia nhiệt: | Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2. | |
| Nguy cơ nổ: | không nổ | |
| Những đặc tính làm tăng cháy: | không cháy lan | |
| Tính phóng xạ: | | không gây nhiễm phóng xạ cho vận chuyển |
| Áp suất hơi: | 23.4 hPa (20 °C) Thông tin áp dụng đối với dung môi. | |
| Tỷ trọng: | tương đương 1.04 g/cm ³ (25 °C) | (ISO 2811-1) |
| Tỷ trọng hơi (không khí): | chứa nước | |
| Tính tan trong nước: | hoà tan dễ dàng | |
| Phép nghiệm ẩm: | Không hút ẩm | |
| Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi: | các dung môi hữu cơ hoà tan | |
| Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): | Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh. | |
| Sức căng bề mặt: | không được xác định | |

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Tính nhớt, động lực: 300 - 700 mPa.s
(25 °C)

Hàm lượng các chất rắn: 45 - 47 %
(145 °C) (DIN EN ISO 3251)

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt: Ổn định cho đến điểm sôi.

Những chất cần tránh:
Không có chất nào cần phải tránh.

Những phản ứng nguy hiểm:
Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:
Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

Khả năng phản ứng:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 5,000 mg/kg

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải):
không được xác định

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da):
không được xác định

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ấn mòn/Kích ứng da thô: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Thí nghiệm được tiến hành với công thức tương tự.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thô: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Thí nghiệm được tiến hành với công thức tương tự.

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Bao gồm tác dụng mẫn cảm trên các cá nhân đặc biệt nhạy cảm. Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phần, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không có nghi ngờ về độc tính ảnh hưởng đến sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên thành phần sản phẩm, hoàn toàn không có mối nguy cơ gây biến đổi di truyền.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Việc hấp thụ qua miệng nhiều lần một chất không phải là nguyên nhân tác động của nhiều chất liên quan.

Việc hấp thụ hoá chất qua hô hấp nhiều lần không gây ra những ảnh hưởng liên quan đến hoá chất.

Việc hấp thụ hoá chất qua da nhiều lần không gây ra những ảnh hưởng liên quan đến hoá chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Với thông tin, kiến thức hiện tại, không có tác động sinh thái tiêu cực.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, *Leuciscus idus*

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (Screening (OECD 202), tĩnh điện)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h), tảo

Không có sẵn các dữ liệu.

Vì sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc mãn tính cho loài cá:

Không dữ liệu nào cho thấy gây độc cho loài cá.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không dữ liệu nào cho thấy gây độc cho động vật không xương sống.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Thành phần polymer của sản phẩm phân hủy kém.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Với thông tin, kiến thức hiện tại, không có tác động sinh thái tiêu cực.

Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Theo kinh nghiệm, vật liệu không có ảnh hưởng nguy hại lên môi trường.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

| | |
|---|--|
| | Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |
| Số UN hoặc số ID | Không áp dụng |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: | Không áp dụng |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: | Không áp dụng |
| Nhóm đóng gói: | Không áp dụng |
| Mối nguy hiểm về môi trường: | Không áp dụng |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng | Chưa có thông tin |

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
 Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

| | | | |
|---|-------------------|------------------------------|-------------------|
| hiểm theo những qui định vận tải | | transport regulations | |
| Số UN hoặc số ID: | Không áp dụng | UN number or ID number: | Not applicable |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: | Không áp dụng | UN proper shipping name: | Not applicable |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: | Không áp dụng | Transport hazard class(es): | Not applicable |
| Nhóm đóng gói: | Không áp dụng | Packing group: | Not applicable |
| Mối nguy hiểm về môi trường: | Không áp dụng | Environmental hazards: | Not applicable |
| | Ô nhiễm hàng hải: | | Marine pollutant: |
| | không | | no |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng | Chưa có thông tin | Special precautions for user | None known |

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường:

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024
Sản phẩm: **Acronal® 7043**

Phiên bản: 5.0

(30564781/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.